|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆP  VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  **CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 37/TBSB-BVTV | *Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2019* |

**­­­­­**

**THÔNG BÁO**

**TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU 7 NGÀY**

**TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 07/9/2019 đến ngày 12/9/2019*)

**Phần thứ 1**

TÌNH HÌNH SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

**1. Các tỉnh Bắc bộ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| Cây lúa |  | 887.148 |
| - Lúa mùa sớm | Chín - thu hoạch |  |
| - Lúa mùa CV- muộn | Trỗ - chắc xanh - đỏ đuôi |  |
| - Lúa nương lúa 1 vụ | Đỏ đuôi - thu hoạch |  |
| - Ngô | PT bắp , thu hoạch; Gieo – 3 lá | 227.449 |
| - Cam, quýt, bưởi | PT quả | 50.112 |
| - Nhãn, vải | Phát triển lộc | 74.805 |
| - Mía | Đẻ nhánh vươn lóng | 26.766 |
| - Sắn | Phân cành, PT củ | 32.123 |
| - Chè | PT búp - thu hái | 89.531 |
| - Cà phê | KTCB, Quả chắc | 20.999 |
| - Cao su | KTCB, thu hoạch nhựa | 23.202 |
| - Thông | PTTL - KD | 122.017 |
| - Quế | KD | 65.523 |
| * Hồi | PT quả | 35.575 |

**2. Các tỉnh Bắc Trung bộ**

| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| --- | --- | --- |
| - Lúa Hè Thu | Đòng trỗ, chín, thu hoạch | 265.528 |
| - Ngô | Mới gieo, trỗ cờ, vào chắc | 28.185 |
| - Rau các loại | Cây con - PT thân lá - TH | 11.164 |
| - Cam, chanh | PT quả | 24.148 |
| - Mía | Cây con, vươn lóng | 53.913 |
| - Hồ tiêu | Sau thu hoạch | 3.813 |
| - Cà phê | Nuôi quả | 5.624 |
| - Cao su | KTCB - KD | 76.610 |
| - Chè | KTCB - KD | 13.421 |
| - Cây sắn | PTTL - củ | 54.318 |
| - Luồng | KTCB - KD | 83.756 |
| - Thông | KTCB-KD | 104.806 |
| * Keo bạch đàn | KTCB – KD | 283.371 |

**3. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| - Cây lúa: |  | 358.384 |
| *Lúa vụ 3+ mùa (Bình Định, Bình Thuận, Lâm Đồng)* | *Mạ, đẻ nhánh , Đòng* | *34.747* |
| Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ: | | |
| *Lúa Hè thu sớm* | *Thu hoạch xong* | *50.545* |
| *Lúa Hè thu CV* | *Chín - Thu hoạch* | *95.745* |
| *Lúa Hè thu muộn* | *Trỗ - Chắc xanh* | *63.712* |
| Các tỉnh Tây Nguyên: | | |
| *Lúa Mùa sớm* | Thu hoạch xong | *7.000* |
| *Lúa Mùa CV* | Chín - Thu hoạch | *36.694* |
| *Lúa Mùa muộn* | Trỗ - Chắc xanh | *85.969* |
| - Cây cà phê | Nuôi quả, chắc quả | 629.251 |
| - Tiêu | Quả non, nuôi quả | 94.023 |
| - Cây điều | PTTL | 114.562 |
| - Cao su | Khai thác mủ | 294.028 |
| - Cây rau màu | Nhiều giai đoạn | 52.186 |
| - Đậu đỗ | Nhiều giai đoạn | 14.504 |
| - Lạc | Nhiều giai đoạn | 10.044 |
| - Ngô | Nhiều giai đoạn | 177.636 |
| - Cây sắn | Nhiều giai đoạn | 232.552 |
| - Mía | Vươn lóng | 95.224 |
| - Thanh long | Chăm sóc thu hoạch | 29.306 |
| - Sầu riêng | Chăm sóc - thu hoạch | 13.518 |
| - Cây chè | Chăm sóc -thu hoạch | 13.632 |
| - Cây dừa | Nhiều giai đoạn | 10.998 |

**4. Các tỉnh Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long**

| **Cây trồng** | **Giai đoạn sinh trưởng** | **Diện tích (ha)** |
| --- | --- | --- |
| Lúa Hè Thu | Thu hoạch  Giai đoạn trỗ - chín | 272.378 |
| Lúa Thu Đông |  | **657.173** |
|  | *Mạ* | 182.467 |
|  | *Đẻ nhánh* | 119.275 |
|  | *Đòng trỗ* | 95.418 |
|  | *Chín* | 194.386 |
|  | *Thu hoạch* | 65.627 |
| - Cây ngô | Các giai đoạn | 22.059 |
| - Cây có múi | Nuôi quả - thu hoạch | 101.324 |
| - Cây rau màu | Các giai đoạn | 46.925 |
| - Cây thanh long | Ra hoa - thu hoạch | 21.550 |
| - Cây nhãn | Ra cơi, đọt | 27.834 |
| - Cây cà phê | Nuôi quả | 35.882 |
| - Cây hồ tiêu | Quả non, nuôi quả | 50.818 |
| - Cây điều | PT thân lá | 188.431 |
| - Cây dừa | mới trồng – thu hoạch | 154.263 |
| - Cây sắn | Cây con, PT thân lá | 54.451 |
| - Cây mía | Đẻ nhánh, PT lóng | 24.715 |

**Phần thứ 2**

**SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG**

**I. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI VÀ BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO, THỰC HIỆN**

**1. Tình hình sinh vật gây hại cây trồng**

**1.1. Cây lúa**

***- Rầy hại lúa****:* Diện tích nhiễm 4.101 ha (giảm 15.041 ha so với kỳ trước, giảm 20.496 ha so với CKNT), nhiễm nặng 05 ha, diện tích phòng trừ 14.119 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Yên Bái, Hà Nội, Phú Thọ, Kiên Giang, An Giang...

***- Bệnh đạo ôn***

*+ Bệnh đạo ôn hại lá:* Diện tích nhiễm 4.372 ha (tăng 420 ha so với kỳ trước, giảm 475 ha so với CKNT) nặng 21 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh Duyên Hải nam Trung bộ.

*+ Bệnh đạo ôn cổ bông:* Diện tích nhiễm 4.008 ha (giảm 1.117 ha so với kỳ trước, giảm 1.852 ha so với CKNT). Tập trung các tỉnh phía Nam.

***- Bệnh khô vằn:*** Diện tích nhiễm 107.502 ha (tăng 462 ha so với kỳ trước, giảm 24.719 ha so với CKNT), nặng 7.685 ha, phong trừ 155.495 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc.

***- Bệnh đen lép hạt:*** Diện tích nhiễm 16.672 ha (giảm 5.076 ha so với kỳ trước, tăng 4.522 ha so với CKNT), nhiễm nặng 85 ha, phòng trừ 2.082 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh phía Nam.

***- Bệnh bạc lá***: Diện tích nhiễm 16.964 ha (tăng 1.537 ha so với kỳ trước, giảm 1.127 ha so với CKNT), nặng 778 ha, mất trắng 06 ha, phòng trừ 5.026 ha. Phân bố ở khắp các tỉnh trong cả nước.

***- Sâu cuốn lá nhỏ:*** Diện tích 34.225 ha (giảm 49.878 ha so với kỳ trước, tăng 6.818 ha so với CKNT), nặng 1.879 ha, phòng trừ 47.162 ha. Tập trung tại các tỉnh Bắc Trung bộ và Nam bộ.

***- Sâu đục thân***: DTN 18.125 ha (giảm 33.518 ha so với kỳ trước, giảm 19.204 ha so với CKNT), nặng 24 ha. Phân bố tập trung tại các tỉnh Ninh Bình, Thái Bình, Sóc Trăng, Hậu Giang, Tây Ninh…

***- Chuột****:* Diện tích hại 8.738 ha (tăng 532 ha ha so với kỳ trước, giảm 5.492 ha so với CKNT), nhiễm nặng 658 ha, mất trắng 02 ha. Phân bố ở khắp các tỉnh trong cả nước.

**1.2. Cây ngô:** Sâu keo mùa thu nhiễm 5.508 ha (giảm 2.378 ha so với kỳ trước, tăng 2.514 ha so với CKNT), diện tích nhiễm nặng 1.249 ha, phòng trừ 3.493 ha. Phân bố ở hầu hết các tỉnh trồng ngô trong cả nước. Hại nặng một số tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên.

**1.2. Các loại rau, màu:** Bệnh xoăn lá virus trên cây cà chua, bệnh sưng rễ, bọ nhảy, bệnh mốc sương, sâu tơ, bọ nhảy… gây hại nhẹ đến trung bình.

**1.3. Cây nhãn, vải*:*** Bệnh chổi rồng nhãn diện tích nhiễm 2.651 ha (tăng 396 ha so với kỳ trước, giảm 1.722 ha so với CKNT), nhiễm nặng 413 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

**1.4. Cây thanh long**: Bệnh đốm nâu diện tích nhiễm 5.116 ha (tăng 100 ha so kỳ trước, giảm 2.189ha so với CKNT), nặng 21 ha, phòng trừ 4.423 ha. Tập trung tại các tỉnh Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

**1.5. Cây dừa:** Bọ cánh cứng hại diện tích 9.227 ha (tăng 101 ha so với kỳ trước, giảm 723 ha so với CKNT), nặng 789 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh Cà Mau, Bến Tre, Tiền Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Trà Vinh, Hậu Giang, Đồng Nai.

**1.6. Cây hồ tiêu**

***- Tuyến trùng rễ***: Diện tích nhiễm 3.419 ha (giảm 395 ha so với kỳ trước, giảm 1.138 ha so với CKNT), nhiễm nặng 1.226 ha. Tập trung tại các tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Phú Yên…

***- Bệnh chết chậm***: Diện tích nhiễm 3.155 ha (giảm 259 ha so với kỳ trước, giảm 2.389 ha so với CKNT), nhiễm nặng 879 ha. Diện tích phòng trừ 484 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Đồng Nai, Kiên Giang, Bình Dương, Phú Yên, Khánh Hòa…

***- Bệnh chết nhanh***: Diện tích nhiễm 678 ha (giảm 237 ha so với kỳ trước, giảm 1.507 ha so với CKNT), nhiễm nặng 50 ha. Tập trung tại các tỉnh Tây Nguyên, Khánh Hòa, Bình Thuận, Phú Yên, Lâm Đồng...

**1.7. Cây cà phê**

***- Bệnh khô cành:*** Diện tích nhiễm 10.750 ha (giảm 2.767 ha so với kỳ trước, giảm 2.336 ha so CKNT), nhiễm nặng 98 ha, phòng trừ 4.019 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Gia Lai...

***- Bệnh gỉ sắt:*** Diện tích nhiễm 8.147 ha (tăng 319 ha so với kỳ trước, giảm 340 ha so CKNT), nặng 10 ha, phòng trừ 3.484 ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Gia Lai, ...

***-*** ***Bọ xít muỗi:*** Diện tích nhiễm 2.661 ha (tương đương với kỳ trước, giảm 1.970 ha so với CKNT), phòng trừ 2.353 ha. Tập trung tại Lâm Đồng.

**1.8. Cây chè:** Bọ xít muỗi, diện tích nhiễm 2.812 ha (giảm 757 ha so với kỳ trước, giảm 130 ha so với CKNT), phòng trừ 1.916 ha. Phân bố tại các tỉnh Lâm Đồng, Phú Thọ, Thái Nguyên, Yên Bái, Gia Lai.

**1.9. Cây sắn (mì):** Bệnh khảm lá virus, diện tích nhiễm 32.779 ha (giảm 2.699 ha so với kỳ trước, tăng 12.892 ha so với CKNT), nhiễm nặng 7.337 ha.

Bệnh đang gây hại tại 15 tỉnh: Tây Ninh, Bình Phước (không báo cáo số liệu), Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum, Bình Thuận, Ninh Thuận, Phú Yên, An Giang và Hà Tĩnh.

**1.11. Cây điều**

***- Bọ xít muỗi:*** Diện tích nhiễm 6.978 ha (giảm 104 ha so với kỳ trước, tăng 1.878 ha so với CKNT), phòng trừ 1.967 ha. Phân bố tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa -Vũng Tàu, Gia Lai, Lâm Đồng…

***- Bệnh thán thư:*** Diện tích nhiễm 9.263 ha (giảm 64 ha so với kỳ trước, tăng 396 ha so với CKNT), nhiễm nặng 337 ha, nhiễm nặng 1.894 ha. Phân bố tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa -Vũng Tàu, Gia Lai, Lâm Đồng…

***- Sâu đục thân cành:*** Diện tích nhiễm 1.439 ha (tăng 1.112 ha so với kỳ trước, tăng 1.325 ha so với CKNT), nặng 33 ha. Phân bố tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Gia Lai, Lâm Đồng…

**2. Công tác chỉ đạo triển khai, thực hiện**

- Chỉ đạo các tỉnh trồng ngô tiếp tục thực hiện Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô.

- Chỉ đạo các tỉnh miền núi phía Bắc tăng cường công tác chỉ đạo phòng chống châu chấu tre lưng vàng.

- Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tập trung theo dõi diễn biến rầy nâu vào đèn, lấy mẫu giám định xác định tỷ lệ rầy nâu nhiễm virus vàng lùn, lùn xoắn lá phục vụ công tác chỉ đạo. Theo dõi thời tiết chỉ đạo xuống giống tập trung, né rầy.

- Các tỉnh Tây Nguyên, Đông Nam bộ chủ động biện pháp phòng chống các SVGH như: bệnh chết nhanh, chết chậm hại hồ tiêu; bệnh nứt thân xì mủ trên cây sầu riêng và bọ xít muỗi, bệnh thán thư trên cây điều.

- Các tỉnh trồng sắn tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt.

**II. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI TRONG TUẦN TỚI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG**

**1.1. Trên lúa**

***a) Các tỉnh Bắc bộ***

- Sâu cuốn lá nhỏ: Sâu non tiếp tục hại chủ yếu trên những diện tích lúa xanh tốt, bón thừa đạm chưa được phun trừ, phun kém hiệu quả, phun xong gặp mưa.

- Sâu đục thân 2 chấm: Sâu non tiếp tục gây bông bạc trên trà lúa trỗ.

- Rầy nâu-rầy lưng trắng: Rầy tiếp tục gây hại diện rộng trên các trà lúa, nhất là trên giống nhiễm gây cháy chòm, ổ nếu không được phun trừ kịp thời.

- Bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn: gây hại tăng trên các giống nhiễm, nhất là sau những đợt mưa giông và trên những ruộng lúa bón thừa đạm.

- Chuột, bọ xít dài, bệnh khô vằn, đạo ôn cổ bông, bệnh vàng lụi, lúa cỏ ....tiếp tục hại. Bệnh lùn sọc đen gây hại rải rác ở giai đoạn phát triển đòng.

***b) Các tỉnh Bắc Trung bộ***

- Chuột tiếp tục phát sinh gây hại, hại nặng ở khu vực gần khu dân cư, gò bãi.

- Bệnh khô vằn: Hại nặng trên các chân ruộng bón thừa đạm.

- Bệnh bạc lá vi khuẩn: Tiếp tục phát sinh gây hại trong điều kiện thời tiết mưa bão, đặc biệt trên các chân đất hẩu, lầy thụt, diện tích bón phân không cân đối.

- Các loại dịch hại khác như: Sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đen lép hạt … phát sinh gây hại nhẹ.

**c) *Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên***

- Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh khô vằn, bệnh đen lép hạt... gây hại trên lúa Hè Thu muộn, lúa Mùa muộn ở giai đoạn trỗ đến chín.

- Bệnh đạo ôn lá, bệnh đạo ôn cổ bông tiếp tục phát sinh gây hại ở giai đoạn đẻ nhánh, đòng trỗ và chín.

- Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân... gây hại trên lúa vụ 3, lúa Mùa ở giai đoạn đẻ nhánh đến làm đòng.

- Chuột: Tiếp tục gây hại rải rác lúa Hè Thu muộn, lúa Mùa muộn ở giai đoạn ngậm sữa đến chín và trên lúa vụ 3, vụ Mùa ở giai đoạn đẻ nhánh đến đòng trỗ.

***d) Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long***

- Rầy nâu: phổ biến tuổi 3-5, theo dõi chặt chẽ rầy nâu trên đồng ruộng để có biện pháp quản lý tốt nguồn rầy nâu tại chỗ.

- Bệnh đạo ôn: Tiếp tục phát triển ở giai đọan đẻ nhánh – đòng trỗ.

- Tuy nhiên, do thời tiết thuận lợi cho bệnh lem lép hạt tiêp tục phát sinh phát triển trên diện tích lúa Hè Thu còn lại. Theo dõi và phòng trừ bệnh đúng lúc.

*Ngoài các đối tượng SVGH trên cũng cần lưu ý đến OBV, muỗi hành ở giai đoạn mạ; bệnh bạc lá, chuột ở giai đoạn trỗ-chín.*

**1.2. Trên cây trồng khác**

- **Trên cây ngô và rau, màu**: bệnh huyết dụ, bệnh lùn sọc đen, sâu đục thân có xu hướng gây hại tăng, các đối tượng khác như sâu xám, sâu cắn lá,chuột, bệnh đốm lá, … gây hại nhẹ trên cây ngô; bọ nhảy, sâu xanh, sâu khoang, bọ trĩ, rệp, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn vi khuẩn... gây hại nhẹ đến trung bình trên rau màu; Sâu keo mùa thu tiếp tục phát sinh gây hại các vùng trồng ngô trong cả nước.

**- Cây ăn quả có múi** (cam, quýt, bưởi):Ruồi đục quả, nhện đỏ, rệp sáp, sâu vẽ bùa.... tiếp tục hại; Bệnh chảy gôm, bệnh loét, bệnh sẹo, bệnh rụng quả ... tiếp tục gây hại trên các vườn cây già cỗi chăm sóc kém và phòng trừ không tốt.

**- Cây nhãn, vải:** Nhện lông nhung, sâu đo,… gây hại nhẹ; bệnh chổi rồng nhãn tiếp tục gây hại tại các tỉnh phía Nam.

**- Cây chè**: Bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, rầy xanh, bệnh thối búp, bệnh phồng lá ... tiếp tục gây hại.

**- Cây mía**: Bệnh trắng lá, bệnh chồi cỏ, sâu non bọ hung, sâu non xén tóc...tiếp tục gây hại cục bộ tại vùng ổ dịch.

**- Cây sắn**: Bệnh khảm lá tiếp tục gây hại; rệp sáp bột hồng tái xuất hiện và gây hại tại địa phương đã từng phát hiện trước đây.

**- Cây cà phê**: Bọ xít muỗi tiếp tục gây hại trên cà phê chè ở Lâm Đồng; rệp sáp, rệp vảy, bệnh khô cành, khô quả, mọt đục quả, bệnh thán thư, bệnh gỉ sắt... tiếp tục gây hại.

**- Cây hồ tiêu:** Tuyến trùng hại rễ, bệnh chết nhanh, bệnh gỉ sắt, bệnh thán thư, bệnh chết chậm, rệp các loại... tiếp tục gây hại.

- **Cây điều**: Bọ xít muỗi, sâu đục thân/cành, bệnh khô cành...tiếp tục gây hại.

- **Cây sầu riêng***:* Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh thán thư...gây hại nhẹ.

- **Cây thanh long**: Bệnh đốm nâu, thán thư, thối rễ tóp cành phát sinh gây hại.

- **Cây dừa:** Bọ cánh cứng, bệnh thối nõn... tiếp tục gây hại.

**- Cây lâm nghiệp**: châu chấu tre lưng vàng tiếp tục gây hại.

**Phần thứ 3**

**ĐỀ NGHỊ**

**1. Các tỉnh phía Bắc**

- Tiếp tục kiểm tra, chỉ đạo phòng trừ sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu những nơi có mật độ cao.

- Theo dõi diễn biến phát sinh gây hại của sâu đục thân 2 chấm lứa 5 trên trà lúa trỗ muộn, tổ chức phun trừ cho những diện tích lúa có mật độ ổ trứng cao.

- Tăng cường công tác điều tra, phát hiện và chủ động phòng chống sâu keo mùa thu trên ngô đông sớm.

- Tăng cường công tác điều tra phát hiện nắm chắc diễn biến các SVGH trên các cây trồng khác (cây hoa, cây ăn quả, cây lâm nghiệp…). Tổ chức phun trừ cho những nơi có mật độ, tỷ lệ bệnh SVGH cao.

**2. Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên**

- Theo dõi sát tình hình SVGH trên lúa và các cây trồng chính khác ở các địa phương để chủ động hướng dân nông dân phòng chống kịp thời tránh để lây lan diện rộng.

- Thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 về việc tăng cường công tác phòng, chống sâu keo mùa thu hại ngô; tổ chức diệt chuột ngay từ đầu vụ lúa Hè Thu.

- Theo dõi rệp sáp, rệp vảy, bệnh khô cành...trên cà phê; bọ xít muỗi hại cà phê chè, bọ cánh cứng hại cà phê giai đoạn kiến thiết cơ bản ở Đăk Lăk, Kon Tum; Bệnh chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng rễ...trên cây tiêu; Bọ xít muỗi, bệnh thán thư, sâu đục thân cành hại cây điều; Bệnh thối cành, thối quả, bệnh thối rễ tóp cành... hại trên cây thanh long; bệnh nứt thân xì mủ, bệnh thán thư...hại trên cây sầu riêng; Bệnh trắng lá, bệnh đốm vàng... hại trên cây mía.

- Theo dõi diễn biến bệnh khảm lá virus, rệp sáp bột hồng hại sắn. Chỉ đạo tiêu hủy triệt để nguồn bệnh. Tuyên truyền vận động nông dân không sử dụng giống sắn ở trong vùng nhiễm bệnh làm giống.

**3. Các tỉnh Đông Nam bộ và đồng bằng sông Cửu Long**

- Tăng cường điều tra phát hiện rầy vào đèn để khuyến cáo thời gian xuống giống né rầy vụ Thu Đông. Lưu ý các đối tương: OBV, bệnh bạc lá ở giai đoạn đẻ nhánh- đòng; bệnh đen lép hạt, chuột ở giai đoạn trỗ-chín.

- Tiếp tục theo dõi sát diện tích và mức độ nhiễm bệnh khảm lá sắn, tiêu hủy các diện tích bị nhiễm bệnh nặng; khuyến cáo nông dân để giống, trồng giống sạch bệnh theo quy trình của Cục Trồng trọt đã ban hành.

- Chỉ đạo các tỉnh thực hiện tốt Chỉ thị số 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 về việc tăng cường công tác phòng, chống sâu keo mùa thu hại ngô và công văn số 1067/BVTV-TV, của Cục BVTV

- Tiếp tục theo dõi diễn biến thời tiết và tình hình SVGH trên cây lúa và các cây trồng khác để có biện pháp quản lý phù hợp./.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | ***Nơi nhận:***  - Lãnh đạo Cục BVTV;  - Phòng KH, HTQT&TT (đưa website Cục);  - Trung tâm BVTV vùng;  - Trung tâm tin học thống kê của Bộ;  - Báo NNVN; Đài VTC16;  - Lưu: VT, BVTV. | **KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**  **Nguyễn Quý Dương** | | 369**KT. CỤC TRƯỞNG**  **PHÓ CỤC TRƯỞNG**  **Nguyễn Quý Dương** |

**DIỆN TÍCH NHIỄM DỊCH HẠI CHỦ YẾU TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG**

*(Từ ngày 06/9/2019 đến ngày 12/9/2019*)

| **TT** | **Tên sinh vật gây hại** | **Diện tích nhiễm (ha)** | | | | **DTN nhiễm so** | | **Diện tích phòng trừ (ha)** | **Phân bố tập trung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Nhẹ-TB** | **Nặng** | **Mất trắng** | **Kỳ trước** | **CKNT** |
| 1 | Đạo ôn lá hại lúa | 4.372 | 4.351 | 21 |  | 420 | -475 | 710 | VL, AG, KG, HG, ST, BT, LĐ, GL |
| 2 | Đạo ôn cổ bông hại lúa | 4.008 | 4.008 |  |  | -1.117 | -1.852 | 210 | KG, ĐT, ST, TG, HG, LA |
| 3 | Rầy hại lúa | 4.101 | 4.096 | 5 |  | -15.041 | -20.496 | 14.119 | YB, H.Nội, PT, KG, AG. HG. TG, VL |
| 4 | Sâu đục thân | 18.125 | 18.071 | 24 |  | -33.518 | -19.204 | 17.712 | NB, TB, BN, ST. HG, TN |
| 5 | Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa | 34.225 | 32.346 | 1.879 |  | -49.878 | -6.818 | 47.162 | Các tỉnh phía Bắc |
| 6 | Bệnh bạc lá lúa | 16.964 | 15.617 | 778 | 6 | 1.537 | -1.127 | 5.026 | Các tỉnh trong cả nước |
| 7 | Chuột hại lúa | 8.738 | 8.090 | 658 | 2 | 532 | -5.492 | 316 | Các tỉnh trong cả nước |
| 8 | Ốc bươu vàng hại lúa | 2.955 | 2.955 |  |  | 1.249 | 1.059 | 122 | TN, AG, TV, HCM, HG,ĐN |
| 9 | Bệnh khô vằn hại lúa | 107.502 | 96.360 | 7.685 |  | 462 | -24.719 | 155.495 | NĐ, TB, H.Nam |
| 10 | Bệnh đen lép hạt lúa | 16.672 | 16.586 | 85 |  | -5.076 | 4.522 | 2.082 | KG, ST, ĐT, HG, TG, LA |
| 12 | Chổi rồng nhãn | 2.651 | 2.238 | 413 |  | 396 | -1.722 |  | VL, ST, CT, BP, TG, BT, HG, ĐT,VT |
| 13 | Bệnh đốm nâu thanh long | 5.116 | 5.095 | 21 |  | 100 | -2.189 | 4.423 | LA, TG, ĐN, BRVT, BT |
| 15 | Bọ cánh cứng hại dừa | 9.227 | 8.438 | 789 |  | 101 | -723 |  | BT, CM, ST, TV, KG, TG, VL |
| 16 | Tuyến trùng hại tiêu | 3.419 | 2.194 | 1.226 |  | -395 | -1.138 | 102 | Glai. Đ.Lăk. Đ.Nông. LĐ |
| 17 | Bệnh chết chậm hại tiêu | 3.155 | 2.277 | 879 |  | -259 | -2.389 | 283 | K.Hòa. GL. ĐLk. ĐN. LĐ. ĐN. VT.… |
| 18 | Bệnh chết nhanh hại tiêu | 678 | 628 | 50 |  | -237 | -1.507 | 180 | KH. BTh. GL. ĐLk. ĐN. LĐ |
| 19 | Bệnh khô cành cà phê | 10.750 | 10.652 | 98 |  | -2.767 | -2.336 | 4.019 | G.Lai. Đ.Lăk. L.Đồng |
| 20 | Bệnh gỉ sắt hại cà phê | 8.147 | 8.137 | 10 |  | 319 | -340 | 3.484 | G.Lai, L.Đồng, Đắk Lắk |
| 21 | Bọ xít muỗi hại cà phê | 2.661 | 2661 |  |  | 0 | -1.970 | 2353 | L.Đồng |
| 22 | Bọ xít muỗi hại chè | 2.812 | 2.812 |  |  | -757 | -130 | 1.916 | L.Đồng. GL, TN, PT, YB,.. |
| 23 | Bọ xít muỗi hại điều | 6.978 | 6.978 |  |  | -104 | 1.878 | 1.967 | BP. ĐN. VT. BTh. GL. LĐ |
| 24 | Bệnh thán thư hại điều | 9.263 | 8.926 | 337 |  | -64 | 396 | 1.894 | BP. ĐN. VT. BTh. GL. LĐ |
| 25 | Sâu đục thân/cành điều | 1.439 | 1.406 | 33 |  | -965 | -210 | 450 | G.Lai. L.Đồng |
| 26 | Bệnh khảm lá sắn (mì) | 32.779 | 25.442 | 7.337 |  | -2.699 | 12.892 | 586 | TN. BP. BD. HCM. ĐN. LA. PY. .. |
| 27 | Sâu keo mùa thu hại ngô | 5.508 | 4.259 | 1.249 |  | -2.378 | 2.514 | 3.493 | BG. LS. TQ. TH. N.An.... |

**CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**